

## QUAN NIỆM CỦA HÊRACLÍT VỀ LINH HỒN, THƯỢNG ĐẾ VÀ THÁI ĐỘ CỦA ÔNG ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

ĐẶNG HỮU TOÀN<sup>(\*)</sup>

**T**rong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại, Hêraclít (520 - 460 trước CN.) - nhà triết học Hy Lạp cổ đại, - đã được các nhà sáng lập triết học Mác- Lênin thừa nhận là người sáng lập phép biện chứng.

Hêraclít sinh ra trong một dòng họ chủ nô quý tộc - dòng họ Côđrít ở thành Êphedơ, thuộc xứ Iôni, một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại. Với địa vị cao sang, quyền quý đã được chọn sẵn ấy, đương nhiên Hêraclít có thể sống một cuộc sống vương giả với nô lệ và những người phục dịch khác. Song, thật khác đời, Hêraclít đã tự nguyện từ bỏ địa vị cao sang và cuộc sống vương giả ấy để sống cuộc sống nghèo khổ và đơn độc, bỏ lên núi ở ẩn và sống nhờ cỏ cây, hoa trái trong các túp lều lạnh lẽo, dành cả cuộc đời cho những suy tư triết học về cuộc sống, về con người, về thế giới đầy những bí ẩn và huyền diệu.

Sống trong xã hội nô lệ mà ở đó, không thiếu những kẻ giả tạo, lọc lừa, sẵn sàng quỳ gối ôm chân người khác để mưu cầu vinh hoa, phú quý, song Hêraclít lại trở nên nổi tiếng với tư cách là con người trầm lặng, trung thực, ghét thói giả tạo, xu nịnh. Với tư cách một nhà thông thái, người am hiểu nhiều lĩnh vực cuộc sống, ông còn trở nên nổi tiếng với luận điểm:

"Học nhiều thứ chưa làm cho người ta thông minh", người thông minh phải là người nắm được bản chất, thực chất và tính tất yếu của sự vật, hiện tượng, hiểu được cái logos - quy luật của thế giới bí ẩn và huyền diệu. Không chỉ thế, với tư cách nhà triết học, ông còn nổi tiếng với quan niệm về Lửa - bản nguyên đầu tiên của thế giới vật chất, yếu tố vật chất đầu tiên của mọi dạng vật chất, nguyên nhân của mọi sự biến đổi.

Với tư cách nhà biện chứng đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, Hêraclít nổi tiếng với quan niệm về Logos mà cho đến nay, vẫn còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về nó; với quan niệm không giống bất cứ nhà triết học đương thời nào về sự hài hoà và đấu tranh của các mặt đối lập, về tính thống nhất của Vũ trụ; đặc biệt là với học thuyết về "dòng chảy" mà luận điểm - "Chúng ta không thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông" - đã khiến nhiều nhà triết học Hy Lạp cổ đại (trong đó có Platôn và Arixốt) gọi ông là "nhà triết học vận động" và gọi học thuyết triết học của ông là "học thuyết về dòng chảy". Nét độc đáo ở ông là những tư tưởng biện chứng sâu sắc ấy đã được thể hiện với một cách thức không rõ ràng,

---

\*. TS., Viện Triết học.

dưới dạng những câu cách ngôn, châm ngôn chứa đựng nhiều ẩn dụ, khó hiểu khiến người đương thời gọi ông là con người "khó hiểu", "tăm tối", là nhà triết học "tối nghĩa". Cũng có lẽ vì cách thức biểu đạt độc đáo ấy, khó hiểu ấy mà ông thường bị người đời xem là con người kiêu ngạo, dị thường. Thật ra thì tự ông đã chuốc lấy tiếng ấy khi mà trước cửa nơi ông ở luôn treo một tấm biển với tựa đề: "Ai không giỏi toán học, xin đừng vào đây", và cũng vì ông cho rằng người đời có tầm mắt quá thấp, quá hạn hẹp nên luôn dị ứng trước cái mới, cái bí ẩn và huyền diệu của Vũ trụ, giống như "Chó sủa người lạ" (B 97).\*\*

Ngoài những cái làm cho Hêraclít trở nên nổi tiếng ấy, trong lịch sử tư tưởng nhân loại, ông còn nổi tiếng với tư cách là nhà triết học có những quan niệm độc đáo về *linh hồn*, *Thượng Đế* và *thái độ khác thường đối với tôn giáo*.

Với quan niệm coi Lửa là bản nguyên vật chất, là nguyên tố vật chất đầu tiên của mọi dạng vật chất và toàn bộ thế giới hay Vũ trụ chẳng qua chỉ là sản phẩm biến đổi của Lửa - "Hết thảy mọi sự vật đều chuyển hoá thành Lửa, Lửa cũng chuyển hoá thành hết thảy sự vật" (B 90), - Hêraclít đã đi đến chỗ cho rằng *linh hồn con người cũng là cái do Lửa sinh ra, là sản phẩm biến đổi của Lửa*. Với ông, Lửa không chỉ là thực thể sinh ra mọi vật, mà còn là khởi thủy thống trị toàn Vũ trụ - nơi con người và vạn vật đang sống. Lửa ấy không phải là Lửa được hiểu theo nghĩa thông thường, không phải là Lửa mà hàng ngày con người sử dụng, mà là

Lửa từ Vũ trụ. Lửa ấy thuần túy tồn tại như một dạng ête nào đó, bao phủ khắp Vũ trụ, sản sinh không chỉ ra các sự vật vật chất, mà cả những hiện tượng tinh thần, kể cả linh hồn con người. Ông viết: "Lửa sinh ra trong cái chết của đất. Khí sinh ra trong cái chết của Lửa. Nước sinh ra trong cái chết của khí. Đất sinh ra trong cái chết của nước" (B 76) và "Đối với linh hồn thì chết có nghĩa là biến thành nước. Đối với nước thì chết tức là biến thành đất. Thế nhưng, nước từ đất mà ra, linh hồn cũng từ nước mà ra" (B 36), "Linh hồn cũng là cái thoát ra từ nơi âm ứ" (B 12).

Linh hồn con người do nước sinh ra, mà nước lại là sản phẩm biến đổi của Lửa, do vậy theo cách lập luận này của Hêraclít, có thể nói, trong quan niệm của ông, linh hồn con người cũng có nguồn gốc từ Lửa, nó cũng là sản phẩm biến đổi của Lửa. Với ông, linh hồn con người là sản phẩm biến đổi của Lửa, nhưng đó không phải là sự biến đổi thông thường của Lửa, mà là sự biến đổi huyền diệu của Lửa Vũ trụ. Lửa Vũ trụ này không do bất cứ vị thần nào sáng tạo ra, nó cũng không phải là sản phẩm sáng tạo của bất cứ ai, kể cả người đó được coi là anh linh, là một anh hùng. Nó là ngọn Lửa sống vĩnh hằng, mãi mãi bùng cháy và biến đổi theo logos của nó. Linh hồn con người là sản phẩm biến đổi huyền diệu của Lửa Vũ trụ ấy. Bởi vậy, theo Hêraclít, "chúng

---

\*\* Những đoạn trích đánh số thứ tự với ký hiệu như vậy mà chúng tôi dẫn ra ở đây được lấy từ "*Các nhà duy vật Hy Lạp cổ đại*" (do M.A.Đumnhích dịch sang tiếng Nga), Nxb Chính trị Quốc gia, Mátxcova, 1955.

ta không thể tìm thấy biên giới của linh hồn, dẫu chúng ta có đi khắp mọi nẻo đường rộng lớn thì cũng vẫn không thể tìm thấy được, gốc rễ của linh hồn sâu như vậy đó" (B 45).

Khả năng định linh hồn con người có cội nguồn sinh thành từ Lửa, từ cái bản nguyên vật chất đầu tiên, nguyên tố vật chất đầu tiên cấu thành Vũ trụ, Hêraclít đã làm cho quan niệm của ông về linh hồn trở nên hoàn toàn xa lạ, thậm chí còn đối lập với quan niệm duy tâm và thần bí - tôn giáo về linh hồn với tư cách một yếu tố độc lập, bất biến, bất diệt và không phụ thuộc vào thể xác. Với Hêraclít, linh hồn con người cũng chịu sự biến đổi như vạn vật khác trong Vũ trụ. Hêraclít quan niệm linh hồn theo nghĩa trần tục và hoàn toàn xa lạ với cách lí giải mang tính thần bí - tôn giáo về linh hồn với tư cách cái siêu nhiên, - cái mà trong đời sống trần tục của nó, nó ẩn náu nơi thể xác con người nhưng lại luôn cố thoát ra khỏi cái nơi ẩn náu là thể xác đó.

Trong quan niệm của Hêraclít, linh hồn là cái có nguồn gốc tự nhiên và giống như vạn vật trong Vũ trụ, linh hồn con người cũng như linh hồn Vũ trụ đều được sinh ra từ Lửa sống vĩnh hằng và là một trong những sản phẩm biến đổi của Lửa. "Linh hồn là một dạng tinh túy của Lửa, là sự bùng cháy của Lửa, là tia chớp" (B 15). Linh hồn còn được Hêraclít quan niệm là cái giống như hơi nước, là cái được bay hơi lên từ nước, cái "thoát ra từ nơi ẩm ướt". Và với tư cách là cái được bay hơi lên từ nước, là cái "thoát ra từ nơi ẩm ướt", nó là cái trung gian giữa nước và

Lửa - đó là sự bốc hơi của nước, là khói bay lên từ Lửa, nhưng trong khói đó có chứa đựng những yếu tố của cái ẩm ướt. Đó là con đường sinh thành theo hướng đi xuống của linh hồn. Cùng với con đường sinh thành ấy, linh hồn còn có con đường sinh thành khác - con đường sinh thành theo hướng đi lên. Đó là con đường mà linh hồn được sinh ra "trong cái chết của đất" - đất chết sinh ra Lửa, và "trong cái chết của Lửa" - Lửa chết sinh ra khí. Con đường sinh thành theo hướng đi lên đó là sự phát quang, toả sáng của linh hồn. Những linh hồn được sinh ra bởi con đường này là những linh hồn khô ráo, sáng sủa và theo Hêraclít, đó là những linh hồn tốt nhất, có trí tuệ nhất, anh minh và ưu tú nhất. Ông viết: "Sáng sủa, khô ráo là linh hồn anh minh nhất, ưu tú nhất" (B 118). Một khi linh hồn trở nên ẩm ướt, tức khi trong nó không còn sự khô ráo, lí trí của nó đã mất đi sự anh minh cần thiết, nó sẽ không còn khả năng điều khiển thể xác. So sánh điều này với trường hợp một kẻ say đang đi trên đường, chân cứ bước mà không biết mình đi về đâu, Hêraclít viết: "Một người uống rượu say bị một em bé dắt đi, hẳn ta đi chân nam đá chân xiêu mà chẳng biết là mình đi về đâu. Đó là bởi linh hồn của hẳn ta bị ẩm ướt" (B 117). Với Hêraclít - người vốn có tính kiêu ngạo, thì những kẻ có linh hồn ẩm ướt là những người chẳng ra gì, họ chỉ là những người giống như "con heo chỉ biết tìm thú vui trong vũng bùn" (B 13), "không hiểu được nên nghe như thế nào, cũng không hiểu được nên nói như thế nào" (B 19), "khi gặp việc gì đều không biết suy nghĩ và cho dù sau

khi được một bài học cũng vẫn không hiểu, tuy rằng họ vẫn tự cho là mình hiểu biết" (B 17). Với ông, chỉ những người nào có linh hồn khô ráo, sáng sủa - linh hồn mới có trí tuệ, "hiểu được chân lí", biết "hành động theo tự nhiên", biết "nghe theo tiếng nói của tự nhiên" (B112), mới xứng đáng được coi là những người anh minh, ưu tú, "có thể sánh với hàng vạn người khác" (B 49).

Nói về con đường sinh thành theo hướng đi xuống của linh hồn, Hêraclít còn cho rằng, con đường đó diễn ra khi linh hồn đánh mất đi tính bùng cháy, tức là khi nó trở nên ẩm ướt hơn nữa, khi nó đánh mất đi tính sáng sủa, khô ráo của mình, đánh mất đi khả năng phát sáng, cái anh minh, ưu tú của mình. Và do vậy, theo ông, con đường sinh thành theo hướng đi xuống ấy của linh hồn là sự tan rã của linh hồn, là quá trình "linh hồn đang trở nên thối rữa trong địa ngục thể xác" (B 98), là sự tự diệt vong của linh hồn để chuyển sang một trạng thái tồn tại khác của nó. Khi linh hồn chết, nó biến thành nước; khi nước chết, nó biến thành đất; và rồi đất lại sinh ra nước để đến lượt mình, nước lại sinh ra linh hồn (B 36).

Với cách lập luận đó của Hêraclít, có thể nói, trong quan niệm của ông, linh hồn cũng là cái luôn vận động và biến đổi theo logos của nó như sự vận động và biến đổi của vạn vật trong Vũ trụ. Linh hồn có sinh và có diệt như sự sinh thành và diệt vong của vạn vật trong Vũ trụ. Rằng, ở Hêraclít, linh hồn không có các đặc trưng nào của cái siêu tự nhiên, linh

hồn chỉ có quan hệ với các yếu tố vật chất của Vũ trụ. Linh hồn là cái được sinh ra từ một thực thể vật lí là Lửa. Lửa ấy luôn cháy sáng trong một khoảnh khắc nhất định và cũng tàn lụi đi trong một khoảnh khắc nhất định, nên linh hồn được sinh ra từ Lửa cũng có lúc bùng sáng để rồi lụi tàn đi khi thể xác tan rữa. Linh hồn trú ngụ trong thể xác, nhưng nó và thể xác không phải là một.

Linh hồn và thể xác không phải là một, nhưng giữa chúng luôn "có mối liên hệ chặt chẽ". Mối liên hệ ấy giữa linh hồn và thể xác được Hêraclít ví như mối liên hệ giữa con nhện và mạng nhện. Nhờ có mối liên hệ chặt chẽ ấy, khi thể xác bị thương tổn ở chỗ nào đó, thì linh hồn sẽ lập tức tiến tới đó như thể là nó cũng không chịu được sự đau đớn của thể xác, giống như khi có một con ruồi nào đó đụng phải mạng nhện thì nhờ có các đường tơ liên kết mà con nhện lập tức biết được và nhanh chóng tiến tới đó như là đụng vào đó khiến cho nó đau đớn lắm (B 67a).

Cùng được sinh ra từ một thực thể vật lí là Lửa, song linh hồn và thể xác không phải là một. Do vậy, cái thoả mãn thể xác và cái thoả mãn linh hồn, theo Hêraclít, cũng không phải là một, chúng không có giá trị như nhau. Những người có linh hồn anh minh, ưu tú đạt sự vinh quang vĩnh hằng cao hơn cái vinh quang nhất thời, họ "thà rằng được cái vinh quang bất diệt chứ không cần những cái sớm nở tối tàn" (B 29). Và ở những con người có linh hồn cao quý ấy, hạnh phúc lớn lao không phải là ở sự thoả mãn của thể xác, với họ thì hạnh phúc nơi khoái cảm của

thể xác cũng chỉ như khi con bò tìm được cỏ để ăn (B 4). Song, để có được cái vinh quang vĩnh hằng ấy, để đạt được niềm hạnh phúc lớn lao ấy - hạnh phúc tinh thần, - không phải là dễ, bởi trước mắt con người, cái vinh quang chói lạt thì nhiều, mà cái vinh quang bất diệt lại không nhìn thấy, bởi thoả mãn thể xác thì dễ, còn thoả mãn tinh thần không phải dễ, bởi người ta cũng như "con lừa thà được cỏ để ăn còn hơn là được vàng" (B9) và "đấu tranh với trái tim là rất khó, vì mỗi nguyện vọng đều phải trả giá bằng linh hồn" (B 85).

Linh hồn và thể xác cùng do Lửa sinh ra, song địa vị của chúng lại không như nhau. Là sản phẩm biến đổi huyền diệu của Lửa, linh hồn là cái quy định thể xác, quy định mọi hành vi của thể xác. Linh hồn con người quy định đời sống tinh thần của con người. Linh hồn luôn có khát vọng vươn lên, vượt ra khỏi thể xác, bởi trong nó luôn có logos tự phát triển - "Logos là cái mà linh hồn vốn có, tự nó phát triển" (B 115). Với logos ấy, kể cả khi được sinh ra từ cái chết của nước, được "thoát ra từ nơi ẩm ướt", ở linh hồn vẫn có tính tích cực nội tại, vẫn có sự "tăng trưởng" và phát triển khi nó còn tồn tại trong thể xác. Điều đó cho thấy, trong quan niệm của Hêraclít, linh hồn cũng là cái luôn phát triển, nó phát triển với logos tự phát triển của mình; rằng ông đã thừa nhận một tính độc lập nào đó của linh hồn đối với các quá trình vật lí mà từ đó linh hồn đã xuất hiện, mở rộng ra, có thể nói, ông đã thừa nhận tính độc lập của tinh thần đối với vật chất.

Với Hêraclít, linh hồn con người là sự "bùng cháy", phát sáng của bản chất con người và với tư cách đó, nó là phương diện, là hình thức biểu hiện hợp lí của bản chất con người. Song ở ông, còn có cả sự tồn tại của linh hồn Vũ trụ. Linh hồn Vũ trụ ấy thể hiện tính hợp lí, tính có trật tự, có sự hài hoà của Vũ trụ và với tư cách ấy, nó là logos của Vũ trụ. Với quan niệm này, Hêraclít đã gán sự hợp lí của linh hồn, của Vũ trụ cho ngọn Lửa sống vĩnh hằng. Lửa với tính hợp lí, tính có trật tự, tính hài hoà đã trở thành linh hồn Vũ trụ của vạn vật, của toàn bộ Vũ trụ. Linh hồn bộ phận điều khiển thể xác, còn linh hồn Vũ trụ - Lửa, thì điều khiển mọi hiện tượng diễn ra trong Vũ trụ. Lửa Vũ trụ, linh hồn Vũ trụ ấy đảm bảo trật tự thế giới, mang lại cho thế giới sự tồn tại hợp lí, tồn tại trong trạng thái hài hoà vốn có của nó, làm cho thế giới trở nên đồng nhất đối với hết thảy sự vật tồn tại trong nó (B 30). Không gì và không ai có thể trốn tránh được sự bùng cháy, phát sáng "không ngừng nghỉ" của ánh sáng hợp lí đó (B 16). Quyên phán xét vạn vật trong Vũ trụ này thuộc về Lửa, thuộc về cái hợp lí và là nguyên nhân kiến tạo thế giới. Hêraclít viết: "Sự phán xét thế giới và vạn vật sống trong đó đều được thực hiện thông qua Lửa" (B 64). Vũ trụ này "nếu như không có Mặt trời, cho dù có các tinh tú khác cũng chỉ là đêm tối" (B 99). Rằng thế giới này không phải là sản phẩm sáng tạo của bất cứ vị thần nào, của bất cứ người nào, nó là sản phẩm biến đổi của ngọn Lửa luôn cháy sáng, bất diệt trong quá khứ, trong hiện tại cũng như trong tương lai (B 30).

Việc gán cho Lửa các đặc điểm tâm lí - tính hợp lí, cũng như các dấu hiệu thần thánh được giải thích bởi chủ nghĩa vật hoạt luận của Hêraclít. Ở đây, tinh thần và vật chất, thế giới tinh thần nội tâm và thế giới tự nhiên bên ngoài chưa được phân định rõ ràng. Ở những người Hy Lạp cổ đại chưa có sự đối lập gay gắt, triệt để cái tinh thần với cái vật chất. Người Hy Lạp cổ đại là những người theo chủ nghĩa đa thần, họ vẫn còn hoàn toàn xa lạ với thế giới quan Thiên Chúa giáo, - thế giới quan tạo ra cái vực thẳm không thể vượt qua được giữa tinh thần và vật chất, giữa tâm hồn và thể xác. Người Hy Lạp cổ đại trong thời đại Hêraclít cũng hoàn toàn xa lạ với cái gọi là nhị nguyên luận của nhà triết học Pháp sau này - Đécácơ. Nếu Lửa là nguyên nhân kiến tạo thế giới, là nguyên thể vật chất đầu tiên, là cái thống trị vạn vật trong thế giới, thì điều đó có nghĩa rằng nó là phương thức biểu hiện hợp lí, có trật tự của tồn tại, của bản thân Vũ trụ và của logos thống trị trong Vũ trụ ấy. Ngọn Lửa sống vĩnh hằng là biểu hiện tượng trưng của logos Vũ trụ - nguyên lí về sự vận động, biến đổi và phát triển phổ biến của vạn vật trong Vũ trụ và là cái mà con người có thể nhận biết bằng cảm giác, có thể nhận thức được.

Logos Vũ trụ - Lửa Vũ trụ được Hêraclít hiểu cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng của nó. Với nghĩa bóng, Lửa trong quan niệm của Hêraclít không phải là "ý niệm thuần túy", cũng không phải là Thượng Đế. Hêraclít không nhân cách hoá Lửa dưới hình thức tồn tại Thượng

Đế của nó, vì ông là người luôn phản đối những câu chuyện hoang đường và truyền thuyết, huyền thoại. Đối với ông, người theo thuyết vật hoạt luận, thì Lửa là cái có cả bản chất vật lí lẫn bản chất tâm lí, nó vừa là vật thể vừa là sự vận động, vừa là quá trình vật lí bên ngoài vừa là năng lực nội tại, là hoạt động tâm lí bên trong. Ở ông, sự vận động, sự sống và vật thể là không thể tách rời, giống như Lửa và sự bùng cháy, phát sáng của nó. Ở Hêraclít, bức tranh về đời sống Vũ trụ là cái vòng quay luân hồi mà "điểm khởi đầu và điểm kết thúc là trùng hợp nhau" (B103) của các yếu tố vật chất - những sản phẩm biến đổi của ngọn Lửa sống vĩnh hằng. Lửa ấy bùng cháy và tàn lụi theo "độ nóng" của nó, vận động theo hướng đi lên và theo hướng đi xuống với logos tự phát triển của nó. Vũ trụ này là một cơ thể sống, đồng thời là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt mỹ, trong đó những mặt đối lập, xung khắc lẫn nhau hợp thành, những âm điệu khác nhau hợp thành hoà âm đẹp đẽ (B8). Trong vòng chu chuyển luân hồi của các yếu tố vật chất, mọi cái sống và chết, sáng và tối, lạnh và nóng, tích cực và thụ động, sinh thành và tiêu vong đều phục tùng "độ", đều tuân theo logos - quy luật sắp xếp và kết hợp vạn vật, cái đem lại cho thế giới tính hợp lí, có trật tự và sự hài hoà.

Để giải thích tính hợp lí, tính có trật tự và sự hài hoà của Vũ trụ, Hêraclít đã viện dẫn, sử dụng nhiều khái niệm khác nhau, từ Logos, ngọn Lửa sống vĩnh hằng, sự "hài hoà bí ẩn", tính tất yếu, cái phổ biến đến số phận, thần linh, Thượng

Đế, ... mà trong đó, không một khái niệm nào làm ông thoả mãn. Khi nói tới việc Hêraclít đã viện dẫn, sử dụng khái niệm Thượng Đế để giải thích tính hợp lí, tính có trật tự và sự hài hoà của Vũ trụ, B.Rátxen (1872 - 1970) - nhà triết học Anh, người theo chủ nghĩa hiện thực mới, - đã coi quan niệm của Hêraclít về Thượng Đế là một dạng "thần bí học" hay "nửa thần bí học"<sup>(1)</sup>. Nhận định này của B.Rátxen là đúng hay sai - đó là điều mà cho đến nay, trong giới nghiên cứu triết học vẫn đang còn tranh luận. Để làm rõ quan niệm của Hêraclít về Thượng Đế, chúng ta cần phải làm rõ thái độ của ông đối với thần thoại và tôn giáo mà trước hết là vấn đề chủ nghĩa vô thần và chủ nghĩa hữu thần của ông, vấn đề ông thừa nhận hay không thừa nhận sự tồn tại của Thượng Đế, sự bất tử của linh hồn, ..., - những vấn đề mà cho đến nay, trong giới triết học cũng vẫn chưa đi đến thống nhất.

Trước hết, có thể khẳng định rằng, Hêraclít không phải là người vô thần, cũng không phải là người hữu thần theo nghĩa hiện đại của các từ này. Ông không phải là người vô thần theo nghĩa hiện đại của từ này, bởi mặc dù ông cũng thừa nhận sự tồn tại của Thượng Đế, của các vị thần, nhưng Thượng Đế và các vị thần trong quan niệm của ông không chỉ khác với Thượng Đế và các vị thần trong thần thoại Hy Lạp, mà còn khác với Thượng Đế và các vị thần khác trong tôn giáo hiện đại. Thượng Đế trong quan niệm của Hêraclít là một lực lượng có trí tuệ nào đó sáng tạo ra Vũ trụ, thống trị vạn vật và giống như apâyron, lực lượng có trí tuệ ấy

điều khiển tất cả trong khi vẫn khác với tất cả (B 108). Thượng Đế - lực lượng trí tuệ ấy là Logos Vũ trụ, là quy luật phổ biến mà sự biến đổi của vạn vật trong Vũ trụ đều phải tuân theo. Mọi quá trình biến đổi của Vũ trụ đều phải tuân theo Logos đó, nhưng bản thân nó lại khác rất xa với hết thảy và do vậy, nó là cái mà các quan niệm, khái niệm thông thường của con người không lĩnh hội được, là cái khó có thể diễn đạt qua các thuật ngữ thông thường.

Không phải là nhà vô thần, song Hêraclít cũng không thể là nhà hữu thần theo nghĩa hiện đại của từ này. Bởi lẽ, ở Hy Lạp cổ đại, ở thời đại ông, người ta chưa biết đến chủ nghĩa hữu thần, cũng như chưa biết đến "tôn giáo độc thần". Ở người Hy Lạp cổ đại khi đó chưa xuất hiện niềm tin vào một Thượng Đế duy nhất có khả năng tự ý thức về quyền lực của mình và tự do hành động, tồn tại ở đâu đó bên ngoài Vũ trụ và thống trị Vũ trụ với tư cách là người tạo lập ra nó như trong quan niệm của các tôn giáo hiện đại. Bản thân Hêraclít cũng không nói đến một Thượng Đế với tư cách như vậy. Song, khi luận giải học thuyết của Hêraclít, nhất là quan niệm của ông về Logos Vũ trụ, đã không ít nhà triết học coi Logos Vũ trụ của ông là Thượng Đế với tư cách đáng sáng thế. Luận cứ mà họ dựa vào đó để khẳng định như vậy là: Trong quan niệm của Hêraclít, Logos Vũ trụ sinh ra Lửa, Lửa sinh ra nước, nước

1. B.Rátxen. *Lịch sử triết học phương Tây*. Mátxcova, 1959, tr.60.

sinh ra đất, ... và với tư cách ấy, Logos Vũ trụ chính là Thượng Đế. Đúng là Hêraclít có viết: "Sự chuyển hoá của Lửa là: đầu tiên thành biển, một nửa biển thành đất, nửa còn lại thành gió xoáy ... Đất lại hoá thành biển và tuân theo Logos mà trước kia, biển hoá thành đất đã tuân theo" (B 31) và "Hết thảy mọi sự vật đều chuyển hoá thành Lửa, Lửa cũng chuyển hoá thành hết thảy sự vật" (B 90). Song, theo chúng tôi, không thể chỉ dựa vào những câu nói đó mà cho rằng ở Hêraclít, Logos Vũ trụ là Thượng Đế hay đáng sáng thế. Logos trong những câu nói này của Hêraclít cần phải được hiểu đó là cái chung, cái phổ biến, cái duy nhất mà mọi quá trình chuyển hoá của các yếu tố vật chất đều phải tuân theo như một quy luật. Chính Hêraclít đã viết: "Logos (λογος) vĩnh viễn tồn tại, nhưng trước khi nghe nói về nó, hoặc là lần đầu tiên sau khi nghe nói về nó, người ta không hiểu gì về nó. Vạn vật ra đời đều dựa vào Logos của nó, nhưng khi người ta dùng lời nói hoặc sự thực để phân biệt từng sự vật hoặc chỉ ra thực chất của sự vật ấy thì khi thể hiện nó, người ta lại tỏ ra không có chút hiểu biết nào về nó" (B 1). Câu nói của Hêraclít - "Lửa toả lan ra như biển" - không phải chứng tỏ rằng Logos Vũ trụ là Thượng Đế hay đáng sáng thế, mà chỉ nhằm chứng minh rằng, giống như biển, Lửa "lan toả ra" một cách phổ biến theo một quy luật chung duy nhất (Logos), quy luật quy định "độ" của vạn vật trong Vũ trụ.

Trong trường hợp giả định Logos trong quan niệm của Hêraclít là Thượng Đế

hiểu theo nghĩa đó là thần Dớt - chúa tể của các vị thần, thì giả định đó cũng không cho phép lí giải Logos theo nghĩa duy tâm - tôn giáo. Bởi lẽ, chính Hêraclít cũng cho rằng Logos là "sự sáng suốt duy nhất" và "chỉ có một người duy nhất có trí tuệ, song người đó vừa muốn, vừa không muốn được gọi với danh hiệu thần Dớt" (B 32). Theo đó, có thể nói, trong quan niệm của Hêraclít, bản chất của Logos có một cái gì đó chung với thần Dớt huyền thoại, song cũng ở một chừng mực như vậy, nó lại không có gì chung với thần Dớt. Mặc dù với tư cách là lực lượng tổ chức, xếp đặt và thống trị vạn vật trong Vũ trụ, với tư cách là ngọn Lửa sống vĩnh hằng, là cái đem lại cho Lửa sức mạnh lí tính, trí tuệ, sự anh minh, sáng suốt, song Logos Vũ trụ ở Hêraclít không phải là Thượng Đế như trong quan niệm của thần thoại và tôn giáo. ở Hêraclít, sự giống nhau giữa Logos Vũ trụ - ngọn Lửa sống vĩnh hằng, có lí tính, có trí tuệ với lí tính, trí tuệ của Thượng Đế theo quan niệm tôn giáo chỉ là tương đối.

Trong quan niệm của Hêraclít, Thượng Đế - ngọn Lửa sống vĩnh hằng là cái mang tính chu kì, còn số phận là lí tính tạo ra vạn vật từ các mặt đối lập. Đồng nhất số phận ấy với tính tất yếu, với lí tính thống trị bản chất của vạn vật, Hêraclít coi Logos Vũ trụ không phải là tinh thần không có thể xác, mà là một dạng tinh túy của ngọn Lửa sống vĩnh hằng, là sự bùng cháy, phát sáng của Lửa. Logos Vũ trụ, lí tính hay số phận là phương thức thể hiện tính có trật tự của Vũ trụ, của tồn tại, là cái hài hoà, "thần



thánh" trong tự nhiên. Nói cách khác, Thượng Đế - Logos Vũ trụ trong quan niệm của Hêraclít là cái tồn tại không phải ở bên ngoài và bên trên thế giới, mà là cái tồn tại trong bản thân thế giới. Sự tồn tại của Thượng Đế - Logos Vũ trụ làm cho thế giới trở thành thế giới có trật tự thống nhất, thành cái hài hoà của vạn vật. Nó không phải là cái độc lập, cái tồn tại độc lập, mà là cái tồn tại thông qua sự tồn tại của vạn vật, cái thống trị vạn vật thông qua vạn vật.

Theo đó, có thể nói, quan niệm của Hêraclít về Thượng Đế - Logos Vũ trụ với tư cách là quy luật phổ biến, thống trị vạn vật chẳng qua chỉ là một biến thể của cái gọi là phiếm thần luận tự nhiên chủ nghĩa - học thuyết không phân định rõ ràng Thượng Đế và giới tự nhiên, coi Thượng Đế chính là giới tự nhiên và qua đó, tước bỏ sự tồn tại độc lập của "Thượng Đế duy nhất" với tư cách đáng sáng thế. Từ lập trường phiếm thần luận tự nhiên chủ nghĩa, Hêraclít chỉ thừa nhận sự tồn tại độc lập của thế giới hay Vũ trụ mà đã được ông gán cho những bản chất nào đó, những đặc trưng nhất định của Thượng Đế dưới tên gọi Logos Vũ trụ.

Từ lập trường phiếm thần luận tự nhiên chủ nghĩa ấy, Hêraclít có thái độ, có thể nói, là rất tiêu cực đối với các quan niệm tôn giáo về thế giới và con người. Ông cho rằng mọi câu chuyện thần thoại về thế giới này, Vũ trụ này đều chỉ là những điều bịa đặt, là sản phẩm "nhận thức tùy tiện" của các nhà thơ. Rằng thần thoại không xứng đáng được quan tâm, được xem xét như là một nguồn gốc của

sự nhận thức và lí giải thế giới. Hêraclít coi các quan niệm thần thoại về nguồn gốc của thế giới từ "sự hỗn độn ban đầu", từ "trạng thái hỗn mang" chỉ là chuyện bịa đặt ngây thơ của trẻ con, bởi không một nhà thần thoại nào có thể giải thích rõ "sự hỗn độn", "trạng thái hỗn mang" đó là gì và nó sinh ra từ đâu. Bác bỏ quan niệm thần thoại ấy về nguồn gốc của Vũ trụ bằng quan niệm coi Lửa là bản nguyên vật chất đầu tiên của Vũ trụ, là cái sáng tạo ra vạn vật, Hêraclít khẳng định rằng thế giới, Vũ trụ này không phải do Thượng Đế sáng tạo ra, mà là sản phẩm biến đổi của ngọn Lửa sống vĩnh hằng, duy nhất.

Khi bác bỏ quan niệm thần thoại về Thượng Đế với tư cách đáng sáng thế và kiến tạo thế giới, Hêraclít còn khẳng định "thế giới ấy ... cũng không do bất cứ người nào sáng tạo ra" (B 30). Điều đó cho thấy, với ông, mọi quan niệm chứ không riêng quan niệm thần thoại về sự sáng tạo ra thế giới đều là bịa đặt, giả dối. Rằng với ông, thế giới, Vũ trụ này là vĩnh hằng, tồn tại không phụ thuộc vào các quan niệm của con người về nó.

Vậy Thượng Đế mà Hêraclít phủ nhận vai trò là đáng sáng thế và kiến tạo thế giới, phủ nhận địa vị độc quyền thống trị vạn vật, nhưng vẫn tồn tại ở đâu đó, là gì? Dựa vào di sản lí luận gồm 130 đoạn mà người ta còn lưu giữ được của ông, chúng ta khó có thể trả lời được câu hỏi này. Từ toàn bộ di sản lí luận đó của ông, chúng ta chỉ có thể nói rằng, có lẽ trong quan niệm của ông, Thượng Đế đâu có là một vật thể tối cao tồn tại ở đâu đó trong

Vũ trụ này thì cũng như mọi vật thể khác, nó cũng được sinh ra từ Lửa, là một trong những sản phẩm biến đổi của Lửa hay là một trạng thái tồn tại nào đó của Lửa và cũng không thể là vật thể bất tử, bởi như ông khẳng định: "Cái không chết thì lại chết, cái chết thì lại không chết; cái sau chết thì cái trước sống, cái trước chết thì cái sau sống" (B 62).

Theo đó, phải chăng Hêraclít cũng đã thừa nhận sự bất tử của linh hồn? Trong di sản lí luận còn lưu giữ được của ông, có không ít đoạn cho thấy dường như ông thừa nhận sự bất tử của linh hồn con người, linh hồn Vũ trụ, mặc dù đó là những đoạn rất khó hiểu, "tối nghĩa" đến mức chúng ta không rõ có phải ông nói như vậy không. Chẳng hạn, khi nói về sự sống - chết của con người, ông viết: "Khi con người đang chết lại là lúc họ đang sống. Người ngủ say, mắt không trông thấy, họ đã được người chết thấp lên điểm sáng. Người đang tỉnh được người ngủ thấp sáng" (B 26). Hoặc: "Chết là cái mà con người trông thấy khi tỉnh. Cái mà con người trông thấy trong giấc mộng là cái khi ngủ" (B 21).

Trong quan niệm của Hêraclít, linh hồn cũng là một sản phẩm biến đổi của Lửa. Linh hồn con người cũng là một sản phẩm biến đổi của Lửa. Linh hồn đó luôn vận động và không ngừng phát triển cùng với sự vận động và phát triển của con người nhờ mối liên hệ thường xuyên của con người với thế giới xung quanh cũng luôn vận động và phát triển.

Giả sử trong quan niệm của Hêraclít, linh hồn là bất tử, thế thì sau cái chết của

thân xác, nơi mà linh hồn trú ngụ, linh hồn đi đâu, về đâu và làm gì? Đó là câu hỏi mà nhiều nhà triết học đã đặt ra khi lí giải quan niệm của ông về linh hồn. Trong di sản lí luận còn lưu giữ được của ông, có thể nói, bản thân ông cũng trả lời một cách không rõ ràng, cụ thể. Ông viết: "Cái chờ đợi con người sau cái chết là cái mà họ không chờ đợi và không muốn chờ đợi" (B 27).

Theo đó, liệu có thể nói rằng, trong quan niệm của Hêraclít, các yếu tố cấu thành linh hồn không biến mất sau cái chết của thân xác, bởi với ông, nó là sản phẩm biến đổi của Lửa, mà Lửa là vĩnh hằng. Hay nói cách khác, với Hêraclít thì linh hồn là bất tử. Song, cũng theo đó, có thể nói, trong quan niệm của Hêraclít, vị tất linh hồn đã là bất tử. Bởi từ di sản lí luận của ông, chúng ta thấy dường như ông cho rằng, sau cái chết của thân xác, các yếu tố của Lửa Vũ trụ cấu thành linh hồn còn tiếp tục tồn tại trong một khoảng thời gian nào đó để sau đó, cũng như vạn vật, dưới sức mạnh của Lửa, chúng vận động và biến đổi để đi đến chỗ bị phá huỷ, bị diệt vong. Chính Hêraclít cũng đã nói rằng sau khi chết, linh hồn biến thành nước, đến lượt nước chết thì đất được sinh ra và khi đất chết, nó biến thành nước, nước ấy sinh ra linh hồn (B 36). Quá trình sinh thành - diệt vong ấy của linh hồn, theo Hêraclít, cũng diễn ra theo hai con đường. Con đường đi lên - linh hồn chết thành Lửa. Con đường đi xuống - linh hồn chết thành nước. Và với Hêraclít, cái chết của linh hồn theo con đường đi lên tốt hơn là theo con đường đi

xuống, bởi cái chết càng vĩ đại thì phần thưởng mà nó nhận được càng lớn (B 25). Vậy, phần thưởng mà sau cái chết, linh hồn nhận được là gì? Phần thưởng đó, theo Hêraclít, không phải là sự bất tử hay những khoái cảm của linh hồn, mà là sự tồn tại bất tử của linh hồn ấy trong kí ức của các thế hệ sau.

Như vậy, có thể nói, quan niệm của Hêraclít về sự bất tử của linh hồn là hoàn toàn khác với quan niệm tôn giáo hiện đại và cũng khác với quan niệm dân gian cổ xưa về cái chờ đợi con người sau khi chết. Không chỉ thế, với quan niệm độc đáo ấy về sự bất tử của linh hồn, Hêraclít đã bác bỏ quan niệm thần thoại - tôn giáo của người Hy Lạp đương thời. Nếu người Hy Lạp cổ đại coi trọng các nghi lễ ma chay, thì Hêraclít lại là người dũng cảm tuyên bố nên quẳng xác chết đi như một vật thải (B 96). Kiên quyết phản đối các lễ nghi tôn giáo của người Hy Lạp đương thời, Hêraclít đã chỉ ra những mâu thuẫn của việc con người chịu hi sinh để chuộc tội và sự phi lí của việc sùng bái thần thánh. Ông viết: "Người ta dùng máu của con vật tế thần bôi trên người mình để tỏ ra thuần khiết. Đó là việc làm vô ích. Làm như vậy có khác gì một người rơi

xuống hố bùn lại lấy bùn để rửa cho sạch. Ai trông thấy người nào làm như vậy cũng đều cho là kẻ điên rồ. Họ cầu đảo thần linh chẳng khác gì họ nói chuyện với bức tường. Họ không biết thế nào là thần linh và anh hùng" (B 5).

Có thể nói, mặc dù không phủ định sự tồn tại của Thượng Đế và luôn nói tới thần Dớt với nhiều hàm ý khác nhau, kể cả ý nghĩa thần thoại, song Hêraclít đã phủ nhận một cách rõ ràng vai trò đáng sáng thế, tạo lập Vũ trụ và vị trí độc tôn của Thượng Đế bằng quan niệm coi Vũ trụ và vạn vật trong Vũ trụ ấy đều là sản phẩm biến đổi của Lửa, của ngọn Lửa sống vĩnh hằng. Ông cố gắng đi tìm nguồn gốc của vận động và biến đổi của vạn vật ở bản thân thế giới vật chất, chứ không phải ở các lực lượng siêu nhiên bên ngoài thế giới. Và cũng như các nhà duy vật cổ đại Hy Lạp khác, Hêraclít không phải là người vô thần theo nghĩa hiện đại. Song, quan niệm của ông về Vũ trụ, linh hồn và Thượng Đế, thái độ của ông đối với thần thoại, tôn giáo xứng đáng được coi là một trong các hình thức đầu tiên của chủ nghĩa duy vật, nó hàm chứa mầm mống của tư tưởng vô thần./.